

Bản án số: 53/2018/HS-PT
Ngày 25-12-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Ương.

Bà Nông Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Quế T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Quế T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1984 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quế D (đã chết) và bà Phạm Thị H; có vợ là Lãnh Thị T, sinh năm 1985 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Bị hại: Lục Văn K, sinh năm 1974, nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2015, Nguyễn Quế T gặp Hoàng Văn H, trú tại: Khau Piò, xã Mông Ân, huyện B, tỉnh Cao Bằng là học sinh cũ của T đi cùng bạn là Lục Thị A, T biết A đang có nhu cầu xin việc làm tại huyện B. Mặc dù biết bản thân không

có khả năng xin việc nhưng T vẫn hứa hẹn với A sẽ xin việc cho với mục đích là nhận tiền và hướng dẫn A làm hồ sơ thi viên chức, nếu A tự thi đỗ và trúng tuyển thì T sẽ được hưởng số tiền mà gia đình A đưa cho. Sau khi thỏa thuận, T nói với A để xin được việc phải có số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 11-7-2015, bố của A là ông Lục Văn K cùng vợ là Hoàng Thị R đi xe khách đến huyện B nhờ H đưa đến nhà T tại Khu 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tại nhà T, ông K đã đưa trước cho T 50.000.000 đồng, T viết một giấy nhận tiền với nội dung: *“Trưởng đã nhận với Lục Văn K số tiền 50.000.000 đồng để xin việc cho A, nếu xin được việc thì ông K đưa thêm cho T 30.000.000 đồng, nếu không xin được việc thì T sẽ trả lại ông K số tiền đã nhận”*, việc giao nhận tiền có Hoàng Văn H chứng kiến và ký xác nhận. Khoảng 01 tháng sau, T gọi điện cho ông K yêu cầu đưa thêm 30.000.000 đồng, hai người hẹn gặp nhau ở bến xe khách thành phố Cao Bằng, ông K đưa cho T 30.000.000 đồng nhưng không làm giấy biên nhận. Khoảng tháng 6, 7 năm 2016, T yêu cầu ông K đưa thêm 45.000.000 đồng và nói với số tiền này chắc chắn A sẽ được đi làm mà không phải thi viên chức, hai bên giao nhận tiền tại một quán cà phê gần bến xe khách thành phố Cao Bằng, T viết giấy nhận tiền với nội dung: *“Trưởng đã nhận của Lục Văn K tổng số tiền 125.000.000 đồng để xin việc cho A, nếu A không được đi làm thì T sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận”*.

Vào các ngày 13-9-2016 và ngày 18-11-2016, ông K chuyển vào tài khoản cá nhân của T tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số tiền lần lượt là 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng, số tiền này T vay của ông K phục vụ vợ T đang sinh con. Cuối năm 2016, T liên lạc với ông K nói đã xin được việc cho A, hiện nay cần số tiền và quà trị giá khoảng 10.000.000 đồng để T đi cảm ơn những người T đã nhờ giúp xin việc cho A. Ông K cùng T đi mua 06 túi quà hết 2.500.000 đồng, đưa tiền mặt cho T 7.500.000 đồng, ngoài ra T vay thêm của ông K 2.500.000 đồng, việc giao nhận quà và tiền không lập giấy tờ gì.

Được một thời gian thấy con không được đi làm như T đã hứa, ông K đã liên lạc với T nhiều lần nhưng không được. Sau nhiều lần trốn tránh, ngày 13-6-2017 T gặp ông K tại thành phố Cao Bằng hẹn sẽ trả lại số tiền đã nhận với ông K để xin việc cho A là 135.000.000 đồng vào ngày 28-6-2017. Quá thời hạn trên không thấy T trả tiền, ông K đã làm đơn tố cáo hành vi của T gửi cơ quan chức năng nên ngày 21-11-2017 T đã liên lạc gặp K ở nhà nghỉ Hòa An tại Km 5, thành phố Cao Bằng và trả lại cho ông K số tiền 152.500.000 đồng, hai bên viết giấy nhận tiền và ông K đã viết đơn rút lại đơn tố cáo đối với Nguyễn Quế T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 26-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quế T phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Quế T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định bị cáo Nguyễn Quế T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 06-11-2018, bị cáo Nguyễn Quế T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quế T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai: Từ giữa năm 2015 đến cuối năm 2016, T đã nhiều lần nhận tiền với ông Lục Văn K và hứa sẽ xin được việc làm cho con của ông K là Lục Thị A, mặc dù T không có khả năng xin việc cho A mà chỉ hứa giúp đỡ để chiếm đoạt số tiền đã nhận sử dụng cho mục đích cá nhân. Ngày 21-11-2017, T đã trả lại cho ông K toàn bộ số tiền đã nhận là 152.500.000 đồng, trong đó nhận để xin việc là 135.000.000 đồng, vay cá nhân 17.500.000 đồng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: Về tính hợp pháp của kháng cáo: Bị cáo là người có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo nộp cho Tòa án trong thời hạn kháng cáo nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ. Về nội dung: Hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản ông Lục Văn K với số tiền 135.000.000 đồng của Nguyễn Quế T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 18 (mười tám) tháng tù là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa bị cáo giao nộp thêm tài liệu là bản sao Huân chương Kháng chiến của bố và của mẹ, bị hại nộp bổ sung đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nơi làm việc ổn định, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quế T, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Quế T không có lời bào chữa, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Quế T tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án và có đủ căn cứ kết luận: Hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản ông Lục Văn K

số tiền 135.000.000 đồng của Nguyễn Quế T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Quế T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự với mức hình phạt 18 tháng tù là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Quế T: Sau khi ông Lục Văn K có đơn tố cáo gửi cơ quan chức năng, bị cáo T đã trả lại cho ông K toàn bộ số tiền chiếm đoạt và tiền vay cá nhân trước khi bị cơ quan điều tra khởi tố. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bị hại có đơn xin giảm hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo giao nộp thêm tài liệu để chứng minh có tình tiết giảm nhẹ mới, đó là: Bị cáo là ông Nguyễn Quế D được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng nhì theo Quyết định số: 1167/KT/CTN ngày 20-02-1997 của Chủ tịch Nước, mẹ là bà Phạm Thị H được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng nhất theo Quyết định số: 125KT/HĐBT ngày 21-8-1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nơi làm việc ổn định, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Quế T.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quế T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quế T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao bằng.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Quế T 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 25-12-2018.

Giao bị cáo Nguyễn Quế T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Quế T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- VKSND huyện B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân